

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ
TIẾN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/12/2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch	
Ông Hoàng Văn Ty	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/08/2018
Ông Phan Văn Khánh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/10/2018
Bà Trần Thị Thanh Na	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 28/06/2018
Ông Yang Xiao Dong	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 28/06/2018
Ông Chen Yu	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 28/06/2018
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2018
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2018

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Anh Quyết	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Lê Minh Diện.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Anh Quyết

Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 05 tháng 04 năm 2019

Số: 201 /2019/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 05/04/2018, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 để thực hiện dự án “Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” với Công ty TNHH Việt Nhật. Định kỳ 6 tháng/lần Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình phải lập báo cáo về tình hình thực hiện dự án để Công ty có thể nắm bắt được. Tuy nhiên, trong năm 2018 Công ty chưa nhận được báo cáo nào về tình hình thực hiện dự án từ Công ty TNHH Việt Nhật. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được một doanh nghiệp khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 29/03/2018.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 0798-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2019

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 3660-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.366.623.570	39.978.844.328
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	292.321.630	180.392.901
Tiền	111		292.321.630	180.392.901
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.946.850.182	17.113.035.134
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	5.580.572.865	16.651.729.561
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	11.872.625.000	251.049.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	261.000.000	1.900.000.000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(767.457.683)	(1.689.743.427)
Hàng tồn kho	140	10	22.948.253.200	22.276.725.378
Hàng tồn kho	141		22.948.253.200	22.276.725.378
Tài sản ngắn hạn khác	150		179.198.558	408.690.915
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	170.300.115	345.874.142
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.898.443	62.816.773
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51.676.045.859	53.882.571.624
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.000.000.000	9.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	9.000.000.000	9.000.000.000
Tài sản cố định	220		5.890.566.046	11.423.080.351
Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.890.566.046	11.423.080.351
- Nguyên giá	222		11.427.603.599	21.365.957.115
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.537.037.553)	(9.942.876.764)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	36.768.692.943	33.056.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		36.768.692.943	33.056.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		16.786.870	403.491.273
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	16.786.870	403.491.273
TỔNG TÀI SẢN	270		92.042.669.429	93.861.415.952

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		15.163.373.658	15.861.342.502
Nợ ngắn hạn	310		14.952.103.712	15.147.612.448
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	6.768.277.154	5.852.808.374
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	1.612.790.023	3.802.850.120
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.047.127.538	1.467.254.240
Phải trả người lao động	314		-	99.253.386
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.520.138.628	120.138.628
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	4.003.770.369	3.805.307.700
Nợ dài hạn	330		211.269.946	713.730.054
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	211.269.946	713.730.054
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76.879.295.771	78.000.073.450
Vốn chủ sở hữu	410	17	76.879.295.771	78.000.073.450
Vốn góp của chủ sở hữu	411		75.704.440.000	70.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.704.440.000	70.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.174.855.771	8.000.073.450
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		895.633.450	6.517.609.614
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		279.222.321	1.482.463.836
TỔNG NGUỒN VỐN	440		92.042.669.429	93.861.415.952

Thái Bình, ngày 05 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Quyên

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

[Signature]

Lê Minh Diện

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	159.903.635.217	35.095.879.642
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		159.903.635.217	35.095.879.642
Giá vốn hàng bán	11	19	154.378.898.947	31.639.303.868
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.524.736.270	3.456.575.774
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	319.658	1.901.720.241
Chi phí tài chính	22	21	380.181.179	456.910.997
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		380.181.179	456.910.997
Chi phí bán hàng	25	22	1.525.149.657	1.023.300.913
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	1.229.004.267	1.888.853.757
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.390.720.825	1.989.230.348
Thu nhập khác	31		463.081.239	845.235
Chi phí khác	32	23	2.508.944.971	109.596.631
Lợi nhuận khác	40		(2.045.863.732)	(108.751.396)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		344.857.093	1.880.478.952
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	65.634.772	398.015.116
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		279.222.321	1.482.463.836

Thái Bình, ngày 05 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Lê Minh Diện

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		344.857.093	1.880.478.952
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.030.661.690	2.079.227.406
Các khoản dự phòng	03		(922.285.744)	110.618.375
Lỗ/(Lãi) hoạt động đầu tư	05		2.502.432.364	(1.902.565.476)
Chi phí lãi vay	06		380.181.179	456.910.997
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.335.846.582	2.624.670.254
Giảm các khoản phải thu (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	09		9.737.489.619	(2.210.625.329)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10		(4.384.220.765)	1.431.033.869
Giảm chi phí trả trước	11		(1.193.662.868)	(9.397.219.804)
Tiền lãi vay đã trả	12		562.278.430	146.231.187
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(380.181.179)	(456.910.997)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(665.943.309)	(374.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.011.606.510	(8.236.820.820)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.500.000.000)	(690.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.004.000.000	27.272.727
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.900.000.000	9.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		319.658	1.720.241
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.595.680.342)	8.338.992.968
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		6.860.040.315	6.830.366.914
Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.164.037.754)	(7.459.338.410)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(303.997.439)	(628.971.496)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		111.928.729	(526.799.348)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	180.392.901	707.192.249
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	292.321.630	180.392.901

Thái Bình, ngày 05 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quỳnh

Lê Minh Diện

Hoàng Anh Quyết

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung được thành lập và hoạt động trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Tiến Trung (Doanh nghiệp được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10 tháng 04 năm 2003) theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 70.000.000.000 đồng lên 72.099.990.000 đồng (*Bảy mươi hai tỷ không trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng*), tương ứng 7.209.999 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 25/08/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp. Sau đó, Công ty đã điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 72.099.990.000 đồng lên 75.704.440.000 đồng (*Bảy mươi lăm tỷ bảy trăm linh bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*), tương ứng với 7.570.444 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 03 tháng 12 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rã, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm là kinh doanh phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận chuyển.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm %	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch
Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La	Sơn La	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 147/2016/TT-BTC và Thông tư 45/2013/TT-BTC.

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 19
- Máy móc, thiết bị	03 - 14
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty. Tất cả các giao dịch và phát sinh trong năm được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	256.065.480	120.015.662
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.256.150	60.377.239
	<u>292.321.630</u>	<u>180.392.901</u>

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	170.300.115	345.874.142
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	170.300.115	334.405.142
- Chi phí khác	-	11.469.000
Dài hạn	16.786.870	403.491.273
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	16.786.870	383.758.698
- Chi phí khác	-	19.732.575
	<u>187.086.985</u>	<u>749.365.415</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	36.768.692.943	-	33.056.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tiên Trung Hòa Bình (1)	33.712.692.943	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tiên Trung Sơn La (2)	3.056.000.000	-	3.056.000.000	-
	36.768.692.943	-	33.056.000.000	-

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty con:

- (1) Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5400411211 ngày 19/09/2012, thay đổi lần đầu ngày 23/10/2015. Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuyen Phong Phú tại xóm Trộng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình. Trong năm, nhà máy chưa xây dựng hoàn thành toàn bộ các hạng mục đầu tư nhưng đã đưa vào vận hành từng phần để sản xuất và bán gạch. Tại 31/12/2018, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty là 685.533.828 đồng.
- (2) Công ty TNHH Một thành viên Tiên Trung Sơn La được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5500527957 ngày 24/12/2015. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên Tiên Trung Sơn La là kinh doanh vật liệu xây dựng. Công ty đang trong giai đoạn xin giấy phép đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại và Nhà khách, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La, chưa thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.580.572.865	(767.457.683)	16.651.729.561	(1.689.743.427)
- Công ty TNHH Thiên An Sơn	360.219	-	5.486.803.019	-
- Công ty Cổ phần Cấp nước Hiệp Hòa	-	-	1.024.280.949	(161.875.851)
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Sông Lục	-	-	1.379.950.000	-
- Công ty TNHH Long Triều	451.100.003	(451.100.003)	1.151.100.003	(1.151.100.003)
- Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình	-	-	2.074.472.573	-
- Công ty TNHH Ô tô và Thiết bị Thiên Trường Long	4.496.400.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	632.712.643	(316.357.680)	5.535.123.017	(376.767.573)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
	5.580.572.865	(767.457.683)	16.651.729.561	(1.689.743.427)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

- Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán	11.872.625.000	-	11.872.625.000	251.049.000
- Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Long Phát Đạt	1.085.000.000	-	1.085.000.000	-
- Ông Nguyễn Hữu Hạnh (*)	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	287.625.000	-	287.625.000	251.049.000
	11.872.625.000	-	11.872.625.000	251.049.000

(*) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Tiến Trung với ông Nguyễn Hữu Hạnh nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất lô số BL524975 tại Đồi Khạo, Xóm Khuộc, Xã Cao Râm, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	21.000.000	-	1.900.000.000	-
- Ông Lê Viết Quỳnh - Tiền chuyển nhượng khoản đầu tư	-	-	1.900.000.000	-
- Ông Phan Văn Khánh	21.000.000	-	-	-
Dài hạn	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
- Phải thu tiền hợp tác đầu tư dự án (1)	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
	9.021.000.000	-	10.900.000.000	-

Ghi chú:

(1) Là khoản tiền góp vốn hợp tác thực hiện dự án “ Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” trên diện tích 7,2 ha, tổng vốn đầu tư dự kiến 70.000.000.000 đồng tại huyện Lương Sơn, Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017. Theo Hợp đồng, Công ty sẽ góp số tiền 9.000.000.000 đồng, tương đương 13% tổng giá trị đầu tư dự kiến. Các nghĩa vụ, quyền lợi cho mỗi Bên sẽ được phân chia theo tỷ lệ tham gia đầu tư. Thời gian hợp tác kinh doanh tương ứng thời gian đầu tư của dự án khai thác thăm dò chế biến là 23 năm. Định kỳ 6 tháng/lần Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình sẽ lập báo cáo về tình hình thực hiện dự án để Công ty có thể nắm bắt được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	4.593.692.027	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	22.948.253.200	-	9.388.767.557	-
Hàng hóa	-	-	8.294.265.794	-
	22.948.253.200	-	22.276.725.378	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ gồm 2 dự án:

- Chi phí thi công xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo kế hoạch điều chỉnh mở rộng quy mô dự án đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt theo Quyết định chủ trương đầu tư số 06/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 về việc điều chỉnh quy mô và hạng mục đầu tư của dự án nhà máy gạch.

- Chi phí thực hiện san lấp mặt bằng tại xóm Rút, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng san lấp mặt bằng với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình ngày 01 tháng 01 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2018	6.401.816.624	4.438.329.368	10.525.811.123	21.365.957.115
- Thanh lý, nhượng bán	(4.365.184.842)	(1.209.480.519)	(4.363.688.155)	(9.938.353.516)
31/12/2018	<u>2.036.631.782</u>	<u>3.228.848.849</u>	<u>6.162.122.968</u>	<u>11.427.603.599</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2018	(2.976.620.747)	(2.211.840.556)	(4.754.415.461)	(9.942.876.764)
- Khấu hao trong năm	(413.783.052)	(492.930.696)	(1.123.947.942)	(2.030.661.690)
- Thanh lý, nhượng bán	2.446.637.579	939.665.890	3.050.197.432	6.436.500.901
31/12/2018	<u>(943.766.220)</u>	<u>(1.765.105.362)</u>	<u>(2.828.165.971)</u>	<u>(5.537.037.553)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2018	3.425.195.877	2.226.488.812	5.771.395.662	11.423.080.351
31/12/2018	<u>1.092.865.562</u>	<u>1.463.743.487</u>	<u>3.333.956.997</u>	<u>5.890.566.046</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.302.982.662 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	6.768.277.154	6.768.277.154	5.852.808.374	5.852.808.374
- Công ty TNHH hóa dầu và chất đốt	733.103.010	733.103.010	763.248.330	763.248.330
- Công ty TNHH ĐĐ62	1.104.000.000	1.104.000.000	1.104.000.000	1.104.000.000
- Công ty TNHH Hiền Anh	802.593.000	802.593.000	-	-
- Công ty TNHH Thái Dương	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000
- Các đối tượng khác	3.328.581.144	3.328.581.144	3.185.560.044	3.185.560.044
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	6.768.277.154	6.768.277.154	5.852.808.374	5.852.808.374

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND
Các khoản người mua ứng trước ngắn hạn	1.612.790.023	1.612.790.023	3.802.850.120	3.802.850.120
- Công ty cổ phần ĐTXD và thiết kế Phú Thăng Long	-	-	499.984.760	-
- Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Long Phát Đạt	1.085.000.000	1.085.000.000	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Ô tô Thiên Trường	527.790.023	527.790.023	3.000.000.000	3.000.000.000
- Các đối tượng khác	-	-	302.865.360	-
Các khoản người mua ứng trước dài hạn	-	-	-	-
	1.612.790.023	1.612.790.023	3.802.850.120	3.802.850.120

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2018
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	421.248.056	337.025.390	162.043.555	596.229.891
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	986.534.394	65.634.772	665.943.309	386.225.857
- Thuế thu nhập cá nhân	-	7.780.000	2.580.000	5.200.000
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	59.471.790	3.000.000	3.000.000	59.471.790
	1.467.254.240	413.440.162	833.566.864	1.047.127.538

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.430.040.315	3.430.040.315	6.860.040.315	6.852.807.700	3.422.807.700	3.422.807.700
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	3.430.040.315	3.430.040.315	6.860.040.315	6.852.807.700	3.422.807.700	3.422.807.700
Nợ dài hạn đến hạn trả	573.730.054	573.730.054	502.460.108	311.230.054	382.500.000	382.500.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	360.000.000	360.000.000	360.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (3)	213.730.054	213.730.054	142.460.108	71.230.054	142.500.000	142.500.000
Cộng	4.003.770.369	4.003.770.369	7.362.500.423	7.164.037.754	3.805.307.700	3.805.307.700
Vay dài hạn	211.269.946	211.269.946	-	502.460.108	713.730.054	713.730.054
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	140.000.000	140.000.000	-	360.000.000	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (3)	71.269.946	71.269.946	-	142.460.108	213.730.054	213.730.054
	211.269.946	211.269.946	-	502.460.108	713.730.054	713.730.054

Ghi chú:

(1) Hợp đồng hạn mức tín dụng cấp tín dụng hạn mức số 629/2018/HDDTD/HMI/01 ngày 20/9/2018, giá trị hạn mức tín dụng 3.700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 20/09/2018 đến ngày 20/09/2019, lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thương mại hàng hoá. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 757/2016/HDDTC ký ngày 23/3/2016 giữa TPBank và ông Hoàng Anh Quyết.

(2) Hợp đồng tín dụng số 210116-2600476-01-SME ngày 23/01/2016, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/01/2016, lãi suất vay thả nổi theo lãi suất vay dài hạn của ngân hàng VP Bank. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Hyundai biển số 17A-053.59 và xe ô tô TMT biển số 17A-061.69.

(3) Hợp đồng tín dụng số 3400LAV201600087 ngày 05/04/2016, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05/04/2016, lãi suất 10%/ năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô tài biển số 17C-06656.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	1.520.138.628	120.138.628
- Bảo hiểm xã hội	-	120.138.628
- Phải trả cổ tức	1.400.000.000	-
- Phải trả khác	120.138.628	-
Dài hạn	-	-
	1.520.138.628	120.138.628

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	sau thuế	
	VND	chưa phân phối	VND
	VND	VND	VND
01/01/2017	70.000.000.000	6.517.609.614	76.517.609.614
- Lãi trong năm trước	-	1.482.463.836	1.482.463.836
31/12/2017	70.000.000.000	8.000.073.450	78.000.073.450
01/01/2018	70.000.000.000	8.000.073.450	78.000.073.450
- Tăng vốn trong năm (*)	5.704.440.000	(5.704.440.000)	-
- Lãi trong năm nay	-	279.222.321	279.222.321
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
+ Chia cổ tức	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
31/12/2018	75.704.440.000	1.174.855.771	76.879.295.771

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ - ĐHĐCĐ ngày 27/04/2017, và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ - ĐHĐCĐ ngày 28/06/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	159.435.259.062	27.439.983.166
Doanh thu cung cấp dịch vụ	468.376.155	7.655.896.476
	159.903.635.217	35.095.879.642

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	154.260.648.004	25.352.370.547
Giá vốn cung cấp dịch vụ	118.250.943	6.286.933.321
	154.378.898.947	31.639.303.868

20. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	319.658	1.720.241
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.900.000.000
	319.658	1.901.720.241

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	380.181.179	456.910.997
	380.181.179	456.910.997

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	1.229.004.267	1.888.853.757
Chi phí nhân viên quản lý	494.968.184	618.969.120
Chi phí đồ dùng văn phòng	533.341.992	429.429.176
Chi phí khấu hao TSCĐ	478.902.888	299.885.234
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(902.285.744)	110.618.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	624.076.947	429.951.852
Các khoản chi phí bán hàng	1.525.149.657	1.023.300.913
Chi phí nhân viên bán hàng	136.000.000	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.288.828.108	503.635.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.321.549	519.664.930
	2.754.153.924	2.912.154.670

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	2.502.752.022	-
Các khoản chi phí khác	6.192.949	109.596.631
	2.508.944.971	109.596.631

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.442.257.067	4.930.830.972
Chi phí nhân công	3.171.952.184	1.851.914.226
Chi phí đồ dùng văn phòng	767.425.602	753.221.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.030.661.690	2.079.227.406
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(902.285.744)	110.618.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	724.398.496	54.257.476
	8.234.409.295	9.725.812.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	344.857.093	1.880.478.952
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	6.192.949	109.596.630
- Các khoản chi phí (phạt)	6.192.949	109.596.630
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	351.050.042	1.990.075.582
Thuế suất	20%	20%
Điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản quyết toán thuế năm 2017	4.575.236	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	65.634.772	398.015.116

26. THÔNG TIN KHÁC

26.1. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<u>Thu nhập của ban Giám đốc</u>			
		51.096.000	51.096.000
	Tiền lương, thưởng	51.096.000	51.096.000
<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>			
	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Góp vốn vào Công ty con			
- Công ty TNHH MTV Tiên Trung Hòa Bình	Công ty con	3.712.692.943	-
<u>Số dư với các bên liên quan</u>			
		31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng			
- Công ty TNHH MTV Tiên Trung Hòa Bình	Công ty con	-	2.074.472.573
Tạm ứng			
- Ông Hoàng Anh Quyết	Tổng Giám đốc	240.000.000	-

26.2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

Người lập biểu

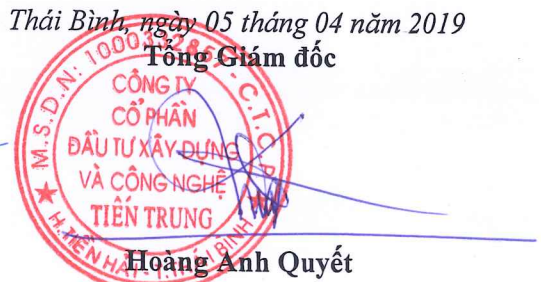
Kế toán trưởng

Thái Bình, ngày 05 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc

Quyên

[Signature]



Nguyễn Thị Quyên

Lê Minh Diện

Hoàng Anh Quyết

Số: 03/2019/TC-KT

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán trong BCTC Công ty năm 2018

Thái Bình, ngày 10 tháng 07 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung (TTZ) xin gửi tới Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng!

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình về sự chênh lệch trong số liệu trước và sau kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chi tiêu	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
1	Tiền	111	1,736,640,829	292,321,630	1,444,319,199
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1,391,584,000	11,872,625,000	(10,481,041,000)
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	9,021,000,000	261,000,000	8,760,000,000
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	-888,126,524	-767,457,683	(120.668,841)
5	Hàng tồn kho	141	28,698,279,230	22,948,253,200	5,750,026,030
6	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	191,054,555	170,300,115	20,754,440
7	Thuế GTGT được khấu trừ	152	83,609	8,898,443	(8,814,834)
8	Phải thu dài hạn khác	216	0	9,000,000,000	(9,000,000,000)
9	Nguyên giá	222	15,879,081,001	11,427,603,599	4,451,477,402
10	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-8,749,819,715	-5,537,037,553	(3,212,782,162)
11	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10,000,000,000	0	10,000,000,000
12	Đầu tư vào công ty con	251	33,056,000,000	36,768,692,943	(3,712,692,943)
13	Chi phí trả trước dài hạn	261		16,786,870	(16,786,870)
14	Phải trả người bán ngắn hạn	311	6,559,931,834	6,768,277,154	(208,345,320)
15	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	959,971,527	1,047,127,538	(87,156,011)
16	Phải trả ngắn hạn khác	319	3,097,874,093	1,520,138,628	1,577,735,465
17	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4,215,000,000	4,003,770,369	211,229,631



18	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	0	211,269,946	(211,269,946)
19	Thu nhập khác	31	2,269,969,036	463,081,239	1,806,887,797
20	Chi phí bán hàng	25	518,111,338	1,525,149,657	(1,007,038,319)
21	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1,640,671,817	1,229,004,267	411,667,550
22	Chi phí khác	32	2,263,157,374	2,508,944,971	(245,787,597)
23	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3,010,181,139	344,857,093	2,665,324,046
24	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1,640,007,194	65,634,772	1,574,372,422
25	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1,370,173,945	279,222,321	1,090,951,624

Nguyên nhân:

- Tiền và các khoản tương đương tiền giảm số tiền: 1,444,319,199 đồng do công ty phản ánh thiếu các nghiệp vụ giao dịch giữa tiền mặt và tiền ngân hàng trong kỳ và hạch toán thiếu nghiệp vụ tạm ứng cho người bán bằng tiền mặt.
- Trả trước cho người bán ngắn hạn tăng số tiền: 10,481,041.000 đồng do Công ty đang phản ánh chưa đúng tính chất khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang, khoản này được điều chỉnh sang trả trước cho người bán và bổ sung các bút toán hạch toán nghiệp vụ tạm ứng cho người bán bằng tiền mặt, đồng thời điều chỉnh việc hạch toán sai mã đối tượng khách hàng.
- Phải thu ngắn hạn khác giảm 8,760,000,000 đồng do Công ty phân loại tính chất khoản ngắn hạn và dài hạn đúng quy định, đồng thời hạch toán bổ sung bút toán các khoản chi tạm ứng và hoàn ứng trong kỳ.
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi giảm 120,668,841 đồng do công ty chưa tính đúng tỷ lệ các khoản phải thu khó đòi
- Hàng tồn kho giảm 5,750,026,030 đồng do công ty chưa phản ánh các bút toán thanh lý hàng tồn kho và các bút toán góp vốn bằng hàng tồn kho vào công ty con.
- Chi phí trả trước ngắn hạn giảm 20,754,440 đồng do Công ty chưa phản ánh đúng việc mức phân bổ các chi phí trả trước trong kỳ.
- Thuế GTGT được khấu trừ tăng 8,814,834 đồng do Công ty phản ánh thiếu thuế GTGT của hóa đơn đầu vào trên BCTC trước kiểm toán so với kê khai thuế GTGT.
- Phải thu dài hạn tăng 9.000.000.000 đồng do Công ty chưa phân loại đúng tính chất khoản dài hạn và ngắn hạn.
- Nguyên giá tài sản cố định giảm 4,451,477,402 đồng và khấu hao tài sản cố định giảm 3,212,782,162 đồng, do Công ty chưa phản ánh hạch toán thiếu ghi giảm tài sản cố định do thanh lý tài sản cố định theo quyết định của HĐQT.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm 10.000.000.000 đồng do Công ty phản ánh chưa đúng tính chất của khoản chi phí của doanh nghiệp, khoản chi phí này được điều chỉnh sang khoản mục ứng trước cho người bán.

- Đầu tư vào công ty con tăng 3,712,692,943 đồng do Công ty phản ánh thiếu nghiệp vụ góp vốn bằng hàng tồn kho từ công ty mẹ sang công ty con theo quyết định của HĐQT.
- Chi phí trả trước dài hạn tăng 16,786,870 đồng do công ty chưa phản ánh đúng việc mức phân bổ các chi phí trả trước trong kỳ.
- Phải trả người bán ngắn hạn tăng 208,345,320 đồng do công ty phản ánh chưa đúng mã đối tượng khách hàng được thanh toán tiền trong báo cáo trước kiểm toán.
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng 87,156,011 đồng do Công ty phản ánh chưa đầy đủ nghĩa vụ thuế phát sinh trong kỳ.
- Phải trả ngắn hạn khác giảm 1,577,735,465 đồng do chưa phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ liên quan đến tiền trên tài khoản ngân hàng.
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 211,229,631 đồng và vay nợ và thuê tài chính dài hạn tăng 211,229,631 đồng do Công ty phản ánh đúng tính chất của khoản thời hạn của khoản vay nợ trong kỳ.
- Thu nhập khác giảm 1,806,887,797 đồng do Công ty phản ánh chưa đúng khoản thu nhập từ thanh lý tài sản cố định trong kỳ.
- Chi phí bán hàng tăng 1,007,038,319 đồng do công ty phản ánh thiếu chi phí bán hàng trong kỳ và phản ánh chưa đúng tính chất của khoản chi phí giữa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 411,667,550 đồng do Công ty chưa phản ánh đúng tính chất chi phí giữa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp dẫn đến cần hạch toán điều chỉnh lại.
- Chi phí khác tăng 245,787,597 đồng do Công ty phản ánh chưa đầy đủ các khoản chi phí của Doanh nghiệp.
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 2,665,324,046 đồng, và tổng lợi nhuận kế toán sau thuế giảm 1,090,951,624 chủ yếu là do phản ánh chưa đúng khoản phải thu khác và lỗ từ thanh lý tài sản cố định.
- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 1,574,372,422 đồng do giảm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tương ứng.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
TỔNG GIÁM ĐỐC**


Hoàng Anh Quyết

Số: 04/2019/TC-KT

V/v: Giải trình chênh lệch Kết quả hoạt động
trong BCTC năm 2018 với năm 2017

Thái bình, ngày 10 tháng 07 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung (TTZ) xin gửi tới Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng!

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung xin giải trình về kết quả kinh doanh giữa năm 2018 (Kỳ báo cáo) và năm 2017 (kỳ trước) như sau:

- **Kết quả kinh doanh giữa năm 2018 (kỳ báo cáo) và báo cáo năm 2017 (kỳ trước).**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Thay đổi (%)
1	Tổng doanh thu & thu nhập khác	160,367,036,114	36,998,445,118	333.44%
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	159,903,635,217	35,095,879,642	355.62%
	Doanh thu hoạt động tài chính	319,658	1,901,720,241	-99.98%
	Thu nhập khác	463,081,239	845,235	54687.28%
2	Tổng chi phí	160,022,179,021	35,117,966,166	355.67%
	Giá vốn hàng bán	154,378,898,947	31,639,303,868	387.93%
	Chi phí tài chính	380,181,179	456,910,997	-16.79%
	Chi phí bán hàng	1,525,149,657	1,023,300,913	49.04%
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,229,004,267	1,888,853,757	-34.93%
	Chi phí khác	2,508,944,971	109,596,631	2189.25%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	344,857,093	1,880,478,952	-81.66%
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	65,634,772	398,015,116	-83.51%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	279,222,321	1,482,463,836	-81.16%

1. Giải trình chênh lệch doanh thu

Tổng doanh thu và thu nhập khác của công ty Tiên Trung năm 2018 là: 159,903,635,217 đồng, tăng 123.368.590.996 đồng so với năm 2017.

Nguyên nhân là do: Công ty tăng doanh thu từ hoạt động bán hàng thương mại năm 2018 hơn so với năm 2017 là: 124.807.755.575 đồng; Doanh thu hoạt động tài chính năm

2018 giảm hơn so với năm 2017 là: 1.901.400.583 đồng; Thu nhập khác năm 2018 tăng so với năm 2017 là: 462.236.004 đồng, do công ty thực hiện việc thanh lý tài sản cố định.

2. Giải trình chênh lệch chi phí

Trong kỳ, Công ty phát sinh tăng chi phí giá vốn năm 2018 tương ứng với việc tăng doanh thu năm 2018; Công ty có sự phân bổ lại chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2017; Chi phí tài chính năm 2018 giảm so với năm 2017 do nợ gốc các khoản vay năm 2018 giảm so với năm 2017; Công ty phát sinh khoản chi phí khác năm 2018 tăng so với năm 2017 là 2.399.348.340 đồng từ thanh lý tài sản cố định là ô tô, nhà xưởng, nền sản xuất do Công ty chuyển trụ sở nên không còn nhu cầu sử dụng.

3. Giải trình về chênh lệch lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ năm 2018 giảm 1.535.621.859 đồng so với năm 2017 chủ yếu do lỗ từ hoạt động thanh lý tài sản cố định trong kỳ (như đã trình bày ở trên).

Trên đây là nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh năm 2018 so với năm 2017 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIÊN TRUNG**



Hoàng Anh Quyết